

Phát triển dịch vụ giáo dục tại một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: nguyenhuong@vnu.edu.vn

TÓM TẮT: Giáo dục là chìa khoá để phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của một quốc gia. Tuy nhiên, tại mỗi quốc gia, giáo dục tại thành thị và nông thôn hiện đều đang có sự chênh lệch rõ ràng. Vì vậy, để phát triển quốc gia và phát huy công bằng xã hội, một mục tiêu cấp bách đặt ra là phải phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Bài báo tập trung vào một số nội dung chính: Khái niệm, nội dung dịch vụ giáo dục; Khái quát mô hình phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn; Kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia về phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn, từ đó đề xuất các bài học kinh nghiệm có tính chất phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

TỪ KHÓA: Dịch vụ giáo dục; giáo dục cơ bản nông thôn; phát triển; nông nghiệp.

→ Nhận bài 06/01/2020 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 17/02/2020 → Duyệt đăng 25/02/2020.

1. Đặt vấn đề

Tất cả các văn kiện đại hội Đảng về giáo dục (GD) và đào tạo (ĐT) đều nhấn mạnh: “GD và ĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Phát triển GD và ĐT giúp nâng cao dân trí, ĐT nhân lực, và bồi dưỡng nhân tài” (Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 14 tháng 01 năm 1993 tại Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa VII “Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp GD và ĐT; Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai khóa VIII (12-1996) “Định hướng chiến lược phát triển GD - ĐT trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.”). Tuy nhiên, khi xem xét khu vực nông thôn Việt Nam, thực tế cho thấy, nguồn nhân lực tại khu vực này thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, chủ yếu là lao động phổ thông và rất ít lao động có trình độ chuyên môn. Vì vậy, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì công tác phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết đặt ra. Bài báo trình bày kinh nghiệm phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn tại một số quốc gia trên thế giới, qua đó thấy được ưu điểm, nhược điểm trong quá trình phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn của mỗi quốc gia, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT thời gian tới. **Sản phẩm được tài trợ bởi Chương trình KHCN KX01 - Thuộc VP Chương trình trọng điểm KHCN- Bộ KHCN.**

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm, nội dung về dịch vụ giáo dục

Theo Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, dịch vụ GD được định nghĩa gồm bốn loại hình dịch vụ sau: dịch vụ GD tiểu học, dịch vụ GD trung học, dịch vụ GD ĐH và dịch vụ

GD sau ĐH. Như vậy, căn cứ vào 4 bậc học (tiểu học, trung học, ĐH và sau ĐH), WTO phân chia dịch vụ GD ra làm 4 loại hình dịch vụ tương ứng. Tuy nhiên, quan điểm này chưa xét đến bậc học mẫu giáo. Vì vậy, khái niệm dịch vụ theo quan điểm của WTO là chưa hoàn chỉnh.

Theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, dịch vụ GD gồm dịch vụ cung cấp cho những nhóm sau: trường tiểu học và trung học, cao đẳng, ĐH và các trường trung cấp chuyên nghiệp, trường kinh doanh và các trung tâm ĐT quản lí và máy tính, trường kĩ thuật và thương mại, các nhóm trường khác, dịch vụ hỗ trợ GD. Như vậy, theo quan điểm của Cục Thống kê Lao động Mỹ, khái niệm dịch vụ GD là tổng hợp hai khái niệm của WTO và NAICS. Theo đó, dịch vụ GD là dịch vụ cung cấp cho các cơ sở GD - ĐT và dịch vụ hỗ trợ GD khác.

Theo GS.TS Phùng Hữu Phú, GS.TSKH Nguyễn Văn Đăng, PGS.TS Nguyễn Việt Thông (2016), khái niệm dịch vụ GD và ĐT có nghĩa rộng (bao quát chung) và nghĩa hẹp (các dịch vụ cụ thể). Nghĩa rộng là coi toàn bộ hoạt động GD và ĐT thuộc khu vực dịch vụ (trong tương quan với hai khu vực khác là công nghiệp và nông nghiệp). Nghĩa hẹp là dịch vụ GD và ĐT gắn với từng hoạt động GD và ĐT cụ thể.

2.2. Khái quát mô hình phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn

2.2.1. Mô hình phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn cung cấp bởi Nhà nước

Mô hình phát triển dịch vụ GD được cung cấp bởi Nhà nước thông qua hệ thống các trường công lập. Theo Luật GD Việt Nam năm 2005, trường công lập do Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên. Tất cả các quốc gia đều áp dụng mô hình phát triển dịch vụ GD công lập cho người dân nói chung và người dân nông thôn nói riêng. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có một cấu trúc và chương trình GD riêng biệt tùy theo đặc thù của mỗi nước. Thông thường,

dịch vụ GD công lập áp dụng ở cấp Tiểu học và Trung học (từ tiểu học đến lớp 12 hoặc tương đương), cũng như ở bậc sau trung học (gồm: ĐH, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp). Theo Reviews, C. T. I. (2016), thuật ngữ “Dịch vụ GD cung cấp bởi Nhà nước” đồng nhất với thuật ngữ “Dịch vụ GD công lập”.

Mô hình phát triển dịch vụ GD công lập có những đặc điểm nổi bật sau: Thứ nhất, hoạt động của trường công lập được tài trợ từ thuế của Chính phủ. Thứ hai, chương trình giảng dạy, chuẩn đầu ra cũng như hình thức kiểm tra, đánh giá của trường công lập được quy định bởi Chính phủ, nhằm giúp Chính phủ đánh giá hiệu quả ĐT của mỗi trường. Thứ ba, Chính phủ kiểm soát chất lượng giáo viên (GV) tại các trường công lập thông qua các kì thi sát hạch, bằng cấp, giấy phép và kinh nghiệm giảng dạy.

2.2.2. Mô hình phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn cung cấp bởi tư nhân

Mô hình dịch vụ GD được cung cấp bởi tư nhân thông qua hệ thống các trường dân lập và tư thục. Theo Luật GD Việt Nam 2005, dịch vụ GD dân lập là dịch vụ cung cấp ở các trường dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động. Dịch vụ GD tư thục là dịch vụ cung cấp ở các trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách Nhà nước. Vì vậy, nghiên cứu sử dụng thuật ngữ rút gọn “GD dân lập và tư thục” hay “trường dân lập và tư thục” thay cho thuật ngữ đầy đủ “mô hình dịch vụ GD được cung cấp bởi tư nhân”. Các trường dân lập và tư thục được tài trợ hoạt động bằng một phần hoặc toàn bộ nguồn thu từ học phí chứ không phụ thuộc vào nguồn thuế từ Chính phủ.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn tại một số quốc gia trên thế giới

2.3.1. Phát triển kinh tế - chính trị thúc đẩy phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn

Cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn là thách thức lớn nhất đối với phát triển dịch vụ GD. Nếu phát triển dịch vụ GD không đi liền với phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn thì phát triển dịch vụ GD có thể đem lại hiệu quả trái chiều. Cụ thể, khi GD nông thôn phát triển, trình độ dân trí nâng cao, năng lực lao động được cải thiện đáp ứng các công việc đòi hỏi chuyên môn cao. Trong khi đó, kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn vẫn không thay đổi, không thu hút được các doanh nghiệp kĩ thuật cao, nhu cầu lao động chỉ dừng lại ở các công việc tay chân như gia công thành phẩm. Khi đó, nguồn lao động chất lượng cao ở nông thôn sẽ di cư lên thành phố để tìm các công việc phù hợp với trình độ của họ. Do đó, việc phối hợp liên ngành trong phát triển kinh tế - xã hội - GD là một điều cần thiết.

2.3.2. Giáo dục cơ bản đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông thôn

GD cơ bản kéo dài 12 năm và được chia thành 3 cấp học:

Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Chính tình trạng đói nghèo, không có ngân sách để phát triển GD cơ bản ở khu vực nông thôn đã dẫn đến trình độ dân trí khu vực nông thôn kém. Ngược lại, việc người dân nông thôn không nhận được chương trình GD cơ bản đầy đủ, dẫn đến dân trí kém, chủ yếu lao động phổ thông đã góp phần dẫn đến tình trạng đói nghèo ở các nước thu nhập thấp. Vì vậy, GD cơ bản đóng vai trò quan trọng cho phát triển nông thôn.

Mặc dù khu vực nông thôn có đầy đủ hệ thống trường học, trang thiết bị dạy học nhưng những trở ngại về kinh tế và xã hội khác nhau đã ngăn cản một số trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái đến trường. Chi phí cơ hội của việc đi học là HS mất thời gian đến trường học tập, không phụ giúp được việc nhà hoặc thậm chí không đi làm kiếm thêm thu nhập cho gia đình ngay tại thời điểm đó được. Trong khi đó, cũng vì trình độ dân trí kém, người dân không thể nhìn thấy chi phí cơ hội của việc nghỉ học là dân trí kém và vòng đời nghèo lẫn quẩn.

Nhìn chung, trẻ em và người lớn ở nông thôn (hầu hết là những người nghèo) có rất ít cơ hội theo học một nền GD cơ bản, giúp họ thoát khỏi vòng nghèo khó. Nhiều trẻ em ở khu vực nông thôn không thường xuyên đi học. Một số em có đi học nhưng không hoàn thành đủ chương trình tiểu học. Thậm chí, nhiều em hoàn thành chương trình học nhưng sau khi tốt nghiệp tiểu học vẫn không biết đọc, biết viết. Một số khu vực vùng sâu, vùng xa, nông thôn có tình trạng trường học có nhưng cần phải sửa chữa, trang thiết bị thiếu thốn, đội ngũ GV chưa được ĐT đầy đủ, nhận lương thấp, dẫn đến tình trạng các thầy cô giáo bỏ nghề để tìm một công việc khác đủ trang trải cuộc sống.

2.3.3. Phát triển đào tạo nghề tại khu vực nông thôn

Thực tế cho thấy, khu vực nông thôn không tạo ra việc làm có giá trị gia tăng cao do công việc gắn với khu vực nông thôn chủ yếu là nông nghiệp. Trong khi đó, hệ thống GD, ĐT nghề quốc gia thường tập trung vào các ngành công nghiệp và dịch vụ, trong khi ngành nông nghiệp lại không được chú trọng. Một số khu vực công có phát triển GD, ĐT nghề trong ngành Nông nghiệp liên kết với các bộ và cơ quan Chính phủ, nhưng thường không có sự phối hợp rõ ràng giữa các cơ quan bộ, ngành nên chất lượng GD được đánh giá chưa cao.

Vì vậy, một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải xem xét lại việc phát triển ĐT nghề ở khu vực nông thôn do nhu cầu thị trường lao động ở khu vực nông thôn có sự thay đổi. Nông nghiệp không còn là lĩnh vực duy nhất cung cấp các cơ hội việc làm cũng như thu nhập cho người dân nông thôn. Việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn có xu hướng phát triển mạnh ở các vùng nông thôn năng động phát triển. Các khu vực nông thôn kém phát triển cũng có cùng xu hướng phụ thuộc nhiều vào thu nhập phi nông nghiệp do thu nhập từ lĩnh vực nông nghiệp thường thấp và mang tính mùa vụ. Chính việc đa dạng hóa hoạt động và thu nhập này đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cải thiện sinh kế của người dân nông thôn.

2.3.4. Đa dạng hóa ngành nghề đào tạo tại các trường đại học nông nghiệp để phát triển khu vực nông thôn

GD ĐH nông nghiệp đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng để thay đổi cả về đối tượng người học, chương trình học cũng như quá trình học. Các trường ĐH nông nghiệp để tồn tại phải tiến hành một cuộc cải cách lớn, đôi khi dẫn đến việc mở rộng ngành nghề ĐT ngoài lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời giảm các ngành nông nghiệp ĐT, đặc biệt là sản xuất cây trồng và vật nuôi.

Sự thay đổi lớn nhất trong GD ĐH nông nghiệp là việc xác định lại nhiệm vụ. Các trường ĐH nông nghiệp đang phát triển thành các tổ chức đa năng phục vụ nhu cầu kiến thức và kỹ năng của nền kinh tế nông thôn. Trên thực tế, các trường ĐH nông nghiệp coi mình như một đơn vị kinh doanh và người học là khách hàng. Do đó, các trường ĐH này có xu hướng đáp ứng nhu cầu của người học nông thôn nhiều hơn, tận tâm hơn với các hoạt động tiếp cận cộng đồng và tập trung vào cộng đồng nông thôn nhiều hơn.

Để đối mặt với thử thách này, các trường ĐH nông nghiệp sử dụng các phương pháp hoạch định chiến lược để phân tích các cơ hội kinh tế và nhu cầu GD trong lĩnh vực của họ, từ đó đưa ra tầm nhìn về tương lai và đặt ra các mục tiêu phát triển.

2.3.5. Tài trợ giúp phát triển dịch vụ giáo dục ở khu vực nông thôn

Cung cấp GD cho tất cả mọi người ở các nước thu nhập thấp là một nhiệm vụ cần phải có sự tài trợ từ các tổ chức và quốc gia bên ngoài. Tài trợ cho GD cơ bản ở khu vực nông thôn có thể được xem như một phần của tài trợ phát triển nông thôn hoặc là một phần tài trợ cho phát triển GD và ĐT của một nước. Song, nhiệm vụ này không nhận được sự quan tâm của các nhà tài trợ một cách đầy đủ.

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ, khi tài trợ được phân bổ cho sự phát triển GD cũng không mang lại những thay đổi lớn ở khu vực nông thôn nghèo đói. Điều này xảy ra là do sự thay đổi chính sách từ tài trợ dự án sang hỗ trợ chương trình hoặc ngành. Trong khi hỗ trợ chương trình hoặc ngành thường được ưu tiên về khu vực thành thị nên tài trợ không đến được khu vực nông thôn. Mặt khác, việc phân bổ tài trợ cũng chịu ảnh hưởng bởi mối quan tâm của nhà tài trợ (cũng như Chính phủ) về nội dung, mức độ phù hợp và hiệu quả chi phí của các chương trình GD cơ bản, đặc biệt là cho người lớn. Một số chiến dịch xóa mù chữ chưa nhận được sự hài lòng của nhà tài trợ nhưng số liệu thực tiễn vẫn cho thấy sự phát triển nhất định trong GD nông thôn. Ví dụ, Ngân hàng Thế giới đã cho vay 8,7 tỉ đô la Mỹ cho các dự án GD “liên quan đến nông thôn” ở 43 quốc gia từ năm 1999.

2.3.6. Tạo môi trường học tập gắn gũi với nông thôn

Vào đầu những năm 1970, nhiều quốc gia (Rwanda, Malawi, Burundi, Ethiopia) với hỗ trợ từ World Bank đã cố gắng tạo môi trường học tập gắn gũi với nông thôn thông qua việc đưa vào chương trình học một số môn học có tính thực tiễn cao. Dưới đây là một số biện pháp các quốc gia

đã thực hiện.

a. GD định hướng việc làm

Chương trình học ở cấp Tiểu học được thiết kế gần gũi hơn với khu vực nông thôn dưới nhiều hình thức khác nhau. Có nơi giới thiệu các hoạt động thủ công vào chương trình học ở nông thôn. Có nơi lại giới thiệu các môn học mang tính thực hành cao, giúp học sinh (HS) hình thành các kỹ năng cần thiết trên thị trường lao động ở khu vực nông thôn. Kinh nghiệm của các nước như Ru-An-Đa năm 1979 hay Buốc-ki-na Pha-sô năm 1960 cho thấy, GD định hướng việc làm giúp người dân nắm được những kiến thức kỹ thuật, công nghệ căn bản trong sản xuất cũng như giá trị của công việc đem lại cho cộng đồng.

b. Phát triển mô hình “vườn trong trường”

Mô hình “Vườn trong trường” được áp dụng phổ biến tại các quốc gia đang phát triển. Vườn trong trường là nơi HS thực hành các kiến thức đã được học ngay tại trường lớp. Vườn trong trường có một số tác dụng như sau: 1/ Là giáo cụ trực quan cho việc dạy và học các kỹ thuật canh tác nông nghiệp, các giống cây trồng mới, các công nghệ cải tiến mới, hoặc kỹ năng sống; 2/ Cung cấp thêm thực phẩm cho căng tin trường học; 3/ Được coi như một nguồn bổ sung dinh dưỡng quan trọng cho trẻ em những vùng nông thôn nghèo; 4/ Giúp HS yêu các công việc nông nghiệp, gắn kết với cộng đồng (Riedmiller and Madès, 1991).

c. Phát triển các trường học cộng đồng

Erny (1977) cho rằng, trường học cộng đồng đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển ở nông thôn bằng việc đáp ứng các nhu cầu ĐT của khu vực nông thôn. Ergas (1974) cho rằng, trường học cộng đồng phải xây dựng một hệ thống GD tương thích với các yêu cầu của nông nghiệp, đáp ứng ba tiêu chí: thực hành, thiết thực và ứng dụng. Khi đó, các trường học cộng đồng đem lại tác động hai chiều như sau: 1/ HS tham gia vào các công việc đồng áng, xây dựng đường; 2/ Phụ huynh học tập tại trường dưới dạng chương trình xóa mù chữ quy mô lớn, hoặc tham gia vào xây dựng trường, phát triển chương trình học.

d. Phân bố trường học, lịch học và tốc độ dạy học linh hoạt

Phổ cập GD tại khu vực nông thôn đạt kết quả tốt hơn nếu GD trở nên linh hoạt hơn ở nhiều phương diện như: 1/ Phát triển mô hình lớp học đa trình độ để áp dụng tại các khu vực có mật độ dân số thấp; 2/ Phát triển mô hình hai ca học (sáng và chiều) giúp HS có thể vừa lên lớp và vừa lao động giúp đỡ gia đình. Biện pháp này làm giảm chi phí cơ hội của việc cho trẻ đi học, từ đó nâng cao tỉ lệ đi học ở khu vực nông thôn.

Các biện pháp tiếp cận đa chiều đã được áp dụng nhằm gắn kết GD với phát triển kinh tế, xã hội nông thôn. Tuy nhiên, những nỗ lực này gặp phải nhiều trở ngại như: nguồn lực Chính phủ cho đa dạng hóa chương trình học bị hạn chế, phương tiện giảng dạy và sách giáo khoa không chuyên dụng, GV chưa được ĐT phù hợp với phương pháp tiếp cận này.

Mặt khác, nhiều phụ huynh ở khu vực nông thôn cho

ràng, phương pháp tiếp cận này là không phù hợp do họ có thể dạy cách làm các công việc nông nghiệp cho con cái mình. Nhiều phụ huynh lại có tâm lý không muốn cho con đến trường vì lo lắng trường học không liên quan đến môi trường của họ sẽ khiến con cái họ xa lánh nông thôn. Bên cạnh đó, cũng có nhiều phụ huynh ủng hộ quan điểm GD không nên tách biệt trẻ em khỏi môi trường sống nông thôn của chúng.

2.3.7. Khuyến khích các hình thức giáo dục phi chính quy tại nông thôn

Ý tưởng về một nền GD liên tục bao gồm GD chính quy, GD phi chính quy và GD phi chính thức trở nên phổ biến trong nhu cầu học tập suốt đời của người dân. GD phi chính quy (non-formal education) được định nghĩa là bất kì hoạt động GD nào được tổ chức một cách hệ thống bên ngoài hệ thống GD truyền thống, với mục đích cung cấp dịch vụ GD - ĐT cho nhóm đối tượng cụ thể bao gồm cả người lớn và trẻ em. Do đó, mục đích của GD phi chính quy là mở rộng cơ hội học tập cho trẻ em không đi học theo cách truyền thống cũng như đáp ứng nhu cầu của người dân một cách hiệu quả hơn. GD phi chính quy đa dạng về phương pháp giảng dạy, môn học, tài chính, mục đích, đối tượng dân cư, và chất lượng GV. Chính sự đa dạng và linh hoạt của GD phi chính quy đã làm cho hình thức GD này trở nên phổ biến ở khu vực nông thôn.

GD phi chính quy có thể đóng vai trò bổ sung hoặc thậm chí thay thế cho GD chính quy tại khu vực nông thôn do Chính phủ không đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của trường học cũng như việc người dân nông thôn có rất ít cơ hội để học lên trung học phổ thông hay học nghề. Tuy nhiên, hình thức GD này cần nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền và người dân địa phương. GD phi chính quy phải phù hợp với định hướng phát triển của khu vực nông thôn ở tất cả các lĩnh vực: nông nghiệp và phi nông nghiệp. Từ những năm 1950 và 1960 tại các quốc gia đang phát triển, việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong GD phi chính quy đã phát triển thay cho phương pháp giảng dạy truyền thống. Đặc biệt, việc sử dụng đài phát thanh đem lại nhiều kết quả tích cực vì đài phát thanh được xem là phương tiện truyền thông phổ biến tại khu vực nông thôn. Chương trình ĐT phi chính quy qua đài phát thanh đã đem lại một số kết quả đáng khích lệ.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận GD phi chính quy dưới những góc độ khác như sau: GD phi chính quy không cung cấp cho người học văn bằng chứng chỉ có giá trị trên thị trường lao động. Người dân chỉ theo học GD phi chính quy khi không có cơ hội theo học GD chính quy. Vì vậy, GD phi chính quy được xem là hình thức GD hiệu quả thấp dành cho nhóm đối tượng thiệt thòi nhất.

2.4. Bài học kinh nghiệm về phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn Việt Nam

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác GD - ĐT như tỉ lệ người biết chữ cao (97,65%), phổ cập trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi, đạt chuẩn phổ cập GD mầm non cho trẻ 5

tuổi, được UNESCO đánh giá xếp thứ hạng 64/127 nước về phát triển GD. Tuy nhiên, GD - ĐT ở Việt Nam còn tồn tại nhiều hạn chế như bất bình đẳng trong tiếp cận GD, tồn tại khoảng cách về chất lượng GD giữa thành thị - nông thôn, GD cơ bản mới quan tâm đến dạy kiến thức chứ chưa chú trọng đến dạy kĩ năng. Đặc biệt, GD - ĐT cho người dân khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế, cần có biện pháp khắc phục.

Điểm chung giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ trên đây đều là các nước đang phát triển, đi theo con đường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy GD - ĐT là quốc sách hàng đầu, tồn tại khoảng cách chênh lệch về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đặc biệt là GD giữa thành thị và nông thôn. Vì vậy, kinh nghiệm phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn ở các nước trong bài viết là bài học quý giá trong quá trình phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn Việt Nam. Bên cạnh đó, một nét đặc thù của Việt Nam là chưa có kinh tế thị trường hoàn chỉnh, bước khởi thời kì kinh tế tập trung chưa lâu nên các nhà quản lí và người dân vẫn chưa thoát khỏi tư tưởng bao cấp, chưa quen với khái niệm GD là một loại hình dịch vụ, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

Điều này có nghĩa là, bên cạnh việc xây dựng cơ chế chính sách, phát triển GD cơ bản, phát triển ĐT nghề trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mở rộng hoạt động của các trường ĐH nông nghiệp cũng như tăng cường hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài cùng các quốc gia ngoài lãnh thổ thì Chính phủ Việt Nam cần chú trọng công tác truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của người dân, khích lệ xã hội hóa dịch vụ GD, tạo lập một môi trường hoàn thiện về thể chế cho cả bên cung cấp dịch vụ GD và tiếp cận dịch vụ GD. Dưới đây là một số bài học được rút ra từ thực tiễn các nước nêu trên:

2.4.1. Xây dựng cơ chế chính sách cho phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn

Một yêu cầu cấp bách đặt ra là phải phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn trong bối cảnh phát triển kinh tế - chính trị khu vực nông thôn. Trong trung và dài hạn, chỉ tập trung vào phát triển GD sẽ không đạt được mục tiêu về nâng cao dân trí, ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, muốn phát triển dịch vụ GD bền vững cần phát triển đầu tư công và phát triển kinh tế, chính trị khu vực nông thôn đi kèm.

Lực đẩy chính sách và ý chí chính trị được coi là nhân tố quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển dịch vụ GD ở khu vực nông thôn. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam có thể xây dựng cơ chế chính sách phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn thông qua các biện pháp sau. Thứ nhất, Chính phủ Việt Nam cần cân nhắc vai trò của việc làm và thu nhập phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn trong giảm nghèo, từ đó các chính sách phát triển nông thôn nên tích hợp các cơ chế khuyến khích đa dạng hoá kinh tế phi nông nghiệp. Thứ hai, trong bối cảnh tăng cường phân cấp, việc xây dựng năng lực thể chế địa phương là điều vô cùng cần thiết vì hai lí do: 1/ Năng lực thực thi chính sách của chính quyền địa phương khu vực nông thôn Việt Nam còn nhiều yếu kém; 2/ Các nhà tài trợ GD nông thôn chỉ quan tâm đầu tư vào sự

phối hợp giữa cơ quan, Chính phủ và tìm cách đạt được sự phối hợp tốt nhất giữa các đối tác thực hiện mà không quan tâm đến vấn đề quản lý quỹ. Muốn nhận được tài trợ từ các đề án như Chiến lược giảm nghèo thì buộc năng lực thể chế địa phương cần phải được cải thiện. Thứ ba, khung chính sách cũng nên tính đến quy mô địa phương. Kinh nghiệm của các nước đang phát triển cho thấy, các cơ chế chính sách chung cho khu vực có thể góp phần thúc đẩy đầu tư phát triển cho những khu vực xa xôi nhất, đặc biệt việc ưu tiên đầu tư công trong khuôn khổ Đề án Chiến lược giảm nghèo cho khu vực nông thôn.

2.4.2. Phát triển giáo dục cơ bản có mục tiêu và tích hợp ở khu vực nông thôn

Chương trình phát triển GD cơ bản ở khu vực nông thôn phải hướng tới mục tiêu không chỉ vượt qua sự chênh lệch giữa thành thị - nông thôn hiện nay mà còn phải đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản của người dân nông thôn một cách hiệu quả và công bằng nhất có thể. Để làm được điều đó, Chính phủ cũng như người dân nông thôn Việt Nam cần tích hợp những giải pháp phát triển sau:

- Bên cạnh các chương trình GD chính quy, Chính phủ cần hỗ trợ khu vực nông thôn phát triển các chương trình GD phi chính quy (Ví dụ: Xây dựng tờ báo nông thôn, thư viện và hiệp hội phụ nữ) để việc học tập là suốt đời.

- Các chương trình học phải được thiết kế và vận hành hài hòa với các hoạt động khác (Bao gồm: y tế, an ninh lương thực, sản xuất nông nghiệp, ...) ở các khu vực nông thôn, để đảm bảo rằng người học có thể áp dụng kiến thức đã học vào đời sống.

- Mở rộng việc tuyển sinh HS nữ là mục tiêu ưu tiên của nhiều Chính phủ và cộng đồng quốc tế.

- Thực tế cho thấy rằng, Việt Nam đã đạt được phổ cập GD mẫu giáo 5 tuổi nhưng tỉ lệ trẻ em đi học mầm non, đặc biệt ở khu vực nông thôn là thấp. Do đó, chương trình Phát triển GD sớm (Early Childhood Development ECD) cần được bổ sung vào chương trình GD cơ bản nhằm cung cấp một nền GD toàn diện cho người dân nông thôn.

- Những thay đổi theo đặc trưng của từng địa phương (Ví dụ: giờ học) góp phần khuyến khích trẻ em đi học.

- Cần đảm bảo nội dung, chất lượng và hình thức của các chương trình GD cơ bản đáp ứng nhu cầu của người học. Bên cạnh đó, chương trình giảng dạy cũng phải phù hợp với nhu cầu và sở thích của người học, nhằm tạo hứng thú cho người học.

- Việc sử dụng phương pháp giảng dạy đa lớp có ý nghĩa lớn đối với khu vực nông thôn mật độ dân số thấp. Tuy nhiên, để phương pháp này đem lại hiệu quả, tài liệu giảng dạy và tài liệu hỗ trợ như sách giáo khoa phải có sẵn, GV cần được ĐT bài bản.

- Các cách tiếp cận mới (bao gồm cả nội dung và phương pháp sư phạm) được khuyến khích áp dụng. GV phải cố gắng làm cho các tiết học trở nên thú vị và phù hợp với môi trường nông thôn thông qua việc sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp. Chương trình học ở trường nên vận dụng các tình huống trong cuộc sống của trẻ em nông thôn để bài học trở nên hữu ích và hấp dẫn hơn.

2.4.3. Xây dựng chiến lược phát triển đào tạo nghề

Thực tế Việt Nam cho thấy, công tác phân luồng HS sau trung học cơ sở chưa đạt được hiệu quả, đặc biệt ở khu vực nông thôn. HS thường có xu hướng tiếp tục học lên trung học phổ thông, tiến tới học ĐH hơn là rẽ hướng sang học nghề. Vì vậy, phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn cần phải tính đến cả lĩnh vực dạy nghề. Một phần lí do HS không tha thiết với học nghề vì chương trình cũng như trang thiết bị giảng dạy chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng trên thị trường lao động. Do đó, một yêu cầu cấp bách đặt ra là phải chú trọng gắn nội dung dạy nghề với thực tiễn công việc trong bối cảnh nông thôn. Các trường dạy nghề ở nông thôn cần hợp tác với các nhà tuyển dụng để: 1/ Cung cấp dịch vụ ĐT theo yêu cầu nhà tuyển dụng; 2/ Giới thiệu việc làm cho học viên sau tốt nghiệp; 3/ Cung cấp các dịch vụ GD thường xuyên và các dịch vụ hỗ trợ khi cần thiết cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, giới tính là một yếu tố quan trọng trong việc tiếp cận việc làm và quyết định thu nhập phi nông nghiệp. Các chương trình ĐT nghề cần hỗ trợ phụ nữ nông thôn trong các công việc phi nông nghiệp để đảm bảo phụ nữ không bị mắc kẹt trong các hoạt động phi nông nghiệp có trình độ thấp, và được trả lương thấp.

2.4.4. Cải cách các trường đại học nông nghiệp gắn với thực tiễn

Sự thay đổi về nhu cầu lao động trên thị trường đã thúc đẩy các trường ĐH nông nghiệp phải cải cách. Phương pháp tiếp cận đa ngành đang được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy nhằm mục đích phát triển khu vực nông thôn một cách toàn diện. Các trường ĐH nông nghiệp cần chuyển dần chương trình học theo phương pháp tích lũy mô-đun. Theo đó, người học chủ động lựa chọn theo quy định của trường để học và tích lũy từng môn học, mô-đun cho tới khi hoàn tất toàn bộ chương trình. Lúc này, người học có thể tự do lựa chọn mô-đun học mong muốn thay vì phải học một chương trình cố định như trước đây.

Bên cạnh đó, các chương trình học cũng cần được thiết kế phù hợp với vị trí việc làm. Hướng tiếp cận mới về dạy và học tại các trường ĐH nông nghiệp phản ánh tầm quan trọng của việc học lâu dài, đảm bảo người học theo kịp những xu hướng thay đổi nhanh chóng trên thị trường cũng như những thay đổi công nghệ. Một số chiến lược chính để cải cách các trường ĐH nông nghiệp bao gồm: 1/ Mở rộng chương trình học ngoài lĩnh vực nông nghiệp để phục vụ các ngành nghề phi nông nghiệp khác đang phát triển ở nông thôn; 2/ Linh hoạt trong chương trình giảng dạy và thời gian học; 3/ Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để nắm bắt kiến thức cũng như nhu cầu lao động trên thị trường; 4/ Phát triển lực lượng lao động trong cộng đồng; 5/ Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp; 6/ Đa dạng hóa các nguồn tài trợ, đặc biệt từ nguồn xã hội hóa.

2.4.5. Cải thiện chất lượng của hoạt động tài trợ giáo dục cho người dân nông thôn

Thực tế cho thấy, GD Việt Nam đặc biệt là GD nông thôn Việt Nam nhận được khá nhiều trợ cấp từ các tổ chức quốc tế. Để cải thiện chất lượng của hoạt động tài trợ, Chính phủ,

các tổ chức tài trợ cũng như người dân nông thôn cần chung tay vì sự nghiệp GD nông thôn. Một số bài học cụ thể được trình bày sau đây:

Do các nhà tài trợ mất dần sự quan tâm tới khu vực nông thôn do hệ quả của chương trình hỗ trợ ngành, Ngân hàng Thế giới và các tổ chức liên Chính phủ khác như Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) và UNESCO, hiện đang tìm cách khôi phục sự quan tâm của các nhà tài trợ trong lĩnh vực GD cơ bản (bao gồm cả GD người lớn) ở khu vực nông thôn. Chương trình hàng đầu của FAO/UNESCO về “GD cho người dân nông thôn” là một ví dụ cho phong trào này.

Ngoài những hỗ trợ về mặt tài chính ở khu vực nông thôn, các đối tác quốc tế có thể hỗ trợ GD nông thôn Việt Nam theo một số cách khác. Hỗ trợ về mặt chuyên gia và chuyên môn giúp phân tích thực trạng cung cấp GD cơ bản ở khu vực nông thôn và đề xuất các biện pháp khắc phục cần thiết. Tổ chức các hội thảo ĐT trong nước, tham quan học tập tại các quốc gia có nền GD phát triển và các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm khác giúp các cơ quan Chính phủ Việt Nam có được thông tin hữu ích để giải quyết các vấn đề GD cơ bản và phát triển nông thôn. Điểm chung là tất cả các hỗ trợ này đòi hỏi chi phí tương đối thấp nhưng tính bền vững đối với phát triển GD nông thôn Việt Nam lại cao.

Trong nhiều thập kỉ, cộng đồng tài trợ đã thành công trong việc đưa ra các sáng kiến khác nhau nhưng các giải pháp lâu dài mang tính bền vững đối với sự phát triển của một quốc gia là rất khó đạt được. Hỗ trợ do nhà tài trợ chỉ đóng một vai trò hạn chế trong quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng, chính sách và thể chế của mỗi quốc gia mới là nhân tố đóng vai trò quyết định trong phát triển GD tại khu vực nông thôn.

3. Kết luận

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một yêu cầu cấp bách đặt ra là phát triển dịch vụ GD cho người dân Việt Nam. Nhằm tiếp cận xu hướng đó, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc đổi mới căn bản và toàn diện GD của đất nước với mục tiêu phát triển nền GD nước nhà tiên tiến, đáp ứng được những đòi hỏi đặt ra trong tình hình phát triển xã hội hiện nay. Học hỏi kinh nghiệm của các nước, từ đó rút ra bài học phát triển dịch vụ GD cho người dân nông thôn Việt Nam sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, tiến tới tiệm cận với chất lượng GD của các nước phát triển trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ahmed, M.; Coombs, P.H.. (1974), *Attacking rural poverty: how non-formaleducation can help?* Baltimore: Johns Hopkins University Press.
- [2] Ergas, Z., (1974), “*Systèmes éducatifs et dynamique du développement en Afrique. Une analyse comparée: Kenya versus Tanzanie*”. In: *Revue Tiers Monde*, 15, July-December.
- [3] Erny, P., (1977), *L’enseignement dans les pays pauvres. Modèles et propositions*. Paris: L’Harmattan. International Institute for Educational Planning <http://www.unesco.org/iiep>
- [4] FAO, Unesco, (2003), *Education for rural development: towards new policy responses*.
- [5] Gasperini, L. (1999). *The Cuban education system: lessons and dilemmas*. Washington DC: World Bank.
- [6] Li, Z. (Ed.), (1998), *Facing poverty - the background, current situation and strategy of educational development of poor area in China*. Guangxi: Guangxi Educational Publishing House.
- [7] Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đặng, Nguyễn Việt Thông, (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [8] Riedmiller, S.; Mades, G., (1991), *Primary school agriculture in sub-Saharan Africa: policies and practices*. Eschborn: GTZ.
- [9] Viveros, A., (2000), *Extract in World Bank news release dated 4/11/2000*.
- [10] World Bank, (2002). *World Bank rural development strategy: reaching the rural poor*. Washington DC: World Bank.

DEVELOPING EDUCATIONAL SERVICES: EMPIRICAL EVIDENCE FROM SOME COUNTRIES AND THE LESSONS LEARNED FOR VIETNAM

Nguyen Thi Huong

VNU University of Education,
Vietnam National University, Hanoi
144 Xuân Thủy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Email: nguyenthuong@vnu.edu.vn

ABSTRACT: Education is the key to the socio-economic development of a country. However, there is a big gap in urban and rural education. Therefore, in order to develop the country and promote the social justice, it is essential to develop educational services for rural people to bridge that gap. This article focuses on some main contents, including: the definitions and content of educational services; developing educational services models for rural people; some empirical evidence on developing the educational services for rural people in some countries, thereby proposing the learned lessons that are suitable for Vietnam.

KEYWORDS: Educational services; basic education; development; agriculture.